

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28/4/2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Kim H, sinh năm 1989 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thanh B, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp HA, xã TL, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Kim H trình bày:

Vào năm 2010, chị kết hôn cùng với anh Lâm Thanh B, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới **nhưng** vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/7/2010.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, **thậm chí anh B còn đánh chị, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh B không sửa đổi** nên vợ chồng đã tự ly thân khoảng 7 năm nay. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh B không có

gặp mặt, cũng không liên lạc với nhau, chị có về thăm con nhưng anh chị không có nói chuyện và hòa giải được với nhau. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên là: Lâm Thanh Nh – sinh ngày 17/4/2010. Hiện nay cháu Nh đang sống cùng với anh B và chị gái của anh B.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị Lê Kim H yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Thanh B; Về con chung, chị H đồng ý giao con chung là cháu Lâm Thanh Nh cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Về tài sản chung, chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và **cam kết vợ chồng không có** nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lâm Thanh B không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh B nhưng anh B không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xử cho chị Lê Kim H được ly hôn với anh Lâm Thanh B; Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thanh Nh – sinh ngày 17/4/2010 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/4/2022 cho đến khi cháu Nh trưởng thành đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên **chị Lê Kim H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với **anh Lâm Thanh B** được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy

định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Lâm Thanh B với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh B không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh **Lâm Thanh B** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt **anh B**.

[2] Về hôn nhân: **Chị Lê Kim H** và anh **Lâm Thanh B** xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 112/2010 quyển số 01/2010 ngày 14/7/2010, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của **chị Lê Kim H** được ly hôn với anh **Lâm Thanh B** vì lý do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và chị còn bị bạo hành gia đình nên vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 7 năm nay. Đối với anh **Lâm Thanh B**, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tiến hành mở phiên họp vào ngày 15/11/2021 và ngày 15/12/2021 nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh B đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị H khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm dành cho chồng và chị H cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh B. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng khi về sống chung một thời gian mới bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: **Chị Lê Kim H** xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thanh Nh – sinh ngày 17/4/2010. Hiện nay, cháu Nh đang sống cùng với với anh B, chị H đồng ý giao con chung cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu Nh sống cùng với anh B và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên việc chị H giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, ghi nhận việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Thanh Nh hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) **cho đến khi cháu Nh trưởng thành đủ 18 tuổi, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/4/2022.**

[4] Về tài sản chung, nợ chung: **Chị Lê Kim H** xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị H phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho **chị Lê Kim H** được ly hôn với **anh Lâm Thanh B**.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thanh Nh – sinh ngày 17/4/2010 cho **anh Lâm Thanh B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận việc chị Lê Kim H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Thanh Nh hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/4/2022 cho đến khi cháu Nh trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Nếu ngày 10 hàng tháng là ngày thứ 7, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày cấp dưỡng sẽ là ngày thứ 2 hoặc ngày làm việc liền kề tiếp theo.

Chị Lê Kim H không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở chị H thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Kim H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ, tổng cộng 02 khoản là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002779, ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Lê Kim H phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/3/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Thủy Liễu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật